

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 14/6/2022.

V/v “*Kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hiệp và ông Trần Văn Tích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn H, sinh năm 1966 và bà Đồng Thị L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Xóm 16, thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. (Bà L ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng).

* *Bị đơn:* Ông Lê Văn H1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Xóm 16, thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn trình bày:

Đầu năm 2014, ông H, bà L bán thức ăn chăn nuôi lợn cho vợ chồng ông H1, bà H, tổng số tiền bán cám là 196.781.000 đồng. Hai bên thỏa thuận, khi nào vợ chồng ông H1, bà H bán lợn sẽ trả tiền mua cám. Khoảng tháng 5/2014, sau khi bán được đàn lợn thì vợ chồng ông H1, bà H có hỏi vay vợ chồng ông H, bà L số tiền 196.781.000 đồng do hiện con trai ông H1, bà H đang bị bệnh, cần tiền chữa bệnh. Ngày 14/6/2014, vợ chồng ông H1, bà H đã viết giấy vay tiền của ông H, bà L với số tiền vay là 196.781.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 1%/tháng.

Trong khoảng thời gian từ 05/5/2014 đến 03/3/2015, vợ chồng ông H, bà L tiếp tục bán cám chăn nuôi cho vợ chồng ông H1, bà H với tổng số tiền là 148.849.000 đồng (mỗi lần ông H1 lấy cám hai bên đều ghi vào sổ, chốt công nợ và ông H1 ký

xác nhận). Ông H1 đã thanh toán cho vợ chồng ông H, bà L số tiền là 91.708.000 đồng, còn nợ lại số tiền 57.141.000 đồng.

Đến ngày 30/10/2017, do quá thời hạn vay nợ nhưng vợ chồng ông H1, bà H không thanh toán cho ông H, bà L số tiền vay nợ là 196.781.000 đồng, lãi suất và số tiền nợ mua cám là 57.141.000 đồng nên ông H đã làm đơn đề nghị UBND xã K và Công an xã K giải quyết vụ việc. Ngày 12/3/2018, ông H1 đã tự viết Bản cam kết thanh toán trả nợ xác nhận tổng số tiền vợ chồng ông H1, bà H nợ ông H là 196.781.000 đồng + 57.141.000 đồng = 253.922.000 đồng, số tiền nợ lãi là 78.000.000 đồng. Tổng số nợ là 331.922.000 đồng, tính chẵn là 331.900.000 đồng. Đến ngày 15/3/2018, ông H1, bà H đã trả cho ông H, bà L số tiền 10.000.000 đồng (có giấy biên nhận trả nợ), còn lại số tiền 321.900.000 đồng ông H1, bà H vẫn chưa trả ông H, bà L. Nhiều lần ông H, bà L yêu cầu ông H1, bà H thanh toán trả ông bà số tiền nợ nêu trên nhưng vợ chồng ông H1 cố tình lẩn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Ngày 28/3/2022, ông H, bà L có đơn khởi kiện đến TAND huyện Kim Thành yêu cầu ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị H trả cho ông H, bà L số tiền là 321.900.000 đồng.

*** Quan điểm của bị đơn:**

- *Quan điểm của ông Lê Văn H1:* Đầu năm 2014 vợ chồng ông mua cám chăn nuôi của vợ chồng ông H, bà L với tổng số tiền là 196.781.000 đồng, hai bên có thỏa thuận, khi nào bán lợn sẽ thanh toán cho vợ chồng ông H tiền mua cám. Mỗi lần mua cám chăn nuôi thì ông H1 tự ghi số cám đã lấy và chốt số tiền nợ vào sổ bán hàng của ông H. Đến khoảng cuối tháng 5/2014, khi vợ chồng ông bán đàn lợn thì chưa trả vợ chồng ông H số tiền đã mua cám mà gia đình ông xin vay lại số tiền mua cám còn nợ là 196.781.000 đồng để cấp cứu cho con đang điều trị tại Bệnh viện, hẹn 20 ngày sau sẽ trả. Vào thời điểm vay không viết giấy vay. Đến ngày 14/6/2014, khi con ông đã điều trị tại bệnh viện về thì do chưa có tiền trả nên vợ chồng ông đến nhà ông H, viết giấy vay vợ chồng ông H số tiền 196.781.000 đồng, lãi suất 1%/01 tháng, thời hạn vay 12 tháng (sáu tháng sẽ trả bớt tiền gốc và lãi). Ông là người trực tiếp viết Giấy vay tiền và cùng vợ ký vào Giấy vay tiền. Từ ngày 5/5/2014 đến ngày 03/3/2015 gia đình ông tiếp tục lấy cám chăn nuôi của gia đình ông H với tổng số tiền 148.849.000 đồng; mỗi lần lấy cám thì ông đều trực tiếp viết chốt số lượng cám vào sổ bán hàng. Trong thời gian lấy cám này thì ông H1 đã nhiều lần thanh toán tiền cám chăn nuôi cho vợ chồng ông H với tổng số tiền là 91.708.000 đồng; còn nợ lại số tiền 57.141.000 đồng. Sau đó do kinh tế khó khăn chưa có điều kiện trả nên năm 2017 ông H đã làm đơn yêu cầu Công an xã K giải quyết. Công an xã đã triệu tập ông đến làm việc, ông đã thừa nhận còn nợ vợ chồng ông H số tiền 253.922.000 đồng. Ngày 12/3/2018, tại UBND xã K thì ông H1 đã viết Cam kết thanh toán nợ, xác nhận còn nợ vợ chồng ông H: Số tiền đã vay 196.781.000 đồng, tiền lãi vay của số tiền này tính từ thời điểm vay 14/6/2014 đến ngày 12/3/2018 là 78.000.000 đồng; tiền mua cám 57.141.000 đồng. Tổng hai khoản này là 331.900.000 đồng. Và thỏa thuận: Đến ngày 16/3/2018, vợ chồng ông H1 sẽ thanh toán cho vợ chồng ông H số tiền 50.000.000đ;

số tiền còn lại 250.000.000đ sẽ thanh toán 06 tháng/01 lần cho đến khi hết nợ, thời gian là 60 tháng (*Ông H1 viết Giấy cam kết này chỉ thanh toán cho ông H tổng số tiền 300.000.000đ, số tiền 31.900.000đ còn lại xin trừ vào tiền lãi nếu ông thanh toán đúng thời hạn đã thỏa thuận số tiền 50.000.000đ*). Đến ngày 15/3/2018, tại UBND xã K ông H1 lại viết Giấy biên nhận trả nợ, xác định đã trả cho vợ chồng ông H số tiền 10.000.000đ; số tiền 40.000.000đ còn lại cam kết đến ngày 30/3/2018 sẽ thanh toán.

Do chưa có điều kiện kinh tế để thực hiện đúng cam kết nên đến ngày 05/5/2018, UBND xã K lại báo ông H1 và ông H đến làm việc. Tại buổi làm việc này ông H1 xác nhận còn nợ Hồng số tiền 300.000.000đ, do khó khăn nên không trả nợ đúng theo cam kết ngày 15/3/2018. Khất nợ đến tháng 10/2018 sẽ trả số tiền 40.000.000đ; số tiền 250.000.000đ còn lại sẽ thỏa thuận với ông H về thời điểm trả nợ.

Đến nay, ông H1 xác định số tiền nợ như theo yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L, gồm: Số tiền đã vay 196.781.000đ, tiền lãi vay của số tiền này tính từ thời điểm vay 14/6/2014 đến ngày chốt gốc lại tại UBND xã K vào ngày 12/3/2018 là 78.000.000 đồng; tiền mua cám 57.141.000đ. Tổng hai khoản này là 331.922.000đ. Ông đã thanh toán cho ông H số tiền 10.000.000đ vào ngày 15/3/2018. Số tiền vợ chồng ông còn nợ lại là 321.900.000 đồng; ông cũng xác định sẽ có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền đã vay, nhưng hiện nay do điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên ông chưa thanh toán được cho vợ chồng ông H, ông đề nghị vợ chồng ông H tạo điều kiện cho ông thanh toán dần số tiền trên. Ngoài ra ông không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Quan điểm của bà Nguyễn Thị H, thể hiện: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H và bà L vì bà không đồng ý với việc ông H1 mua cám để chăn nuôi lợn, thực tế thì bà không được quản lý, sử dụng số tiền mà ông H1 vay của vợ chồng ông H. Mục đích ông H1 vay tiền và mua cám của vợ chồng ông H để chăn nuôi, phục vụ kinh tế gia đình; việc chăn nuôi của ông H1 bà không đồng ý và bà cũng không đồng ý việc ông H1 mua cám chăn nuôi của anh Hồng. Bà H xác định chữ ký trong Giấy vay tiền ngày 14/6/2014 là của bà. Tuy nhiên, do ông H1 mua cám chăn nuôi của ông H và còn nợ tiền ông H nên ông H đến nhà bà, bảo bà ký vào Giấy vay tiền do ông H1 viết để ông H1 tiếp tục lấy cám của ông H về chăn nuôi. Do ông H1 tự ý làm ăn dẫn đến việc vay nợ ông H nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông H, bà không liên quan gì đến số tiền mà ông H1 nợ vợ chồng ông H.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Bị đơn về việc yêu cầu thanh toán số tiền nợ chưa thanh toán là 321.900.000 đồng; không yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi.

- Bị đơn, ông Lê Văn H1 xác nhận số tiền nợ như yêu cầu của Nguyên đơn, do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông chưa có tiền để trả cho vợ chồng ông H; ông xác định số tiền ông và bà H ký Giấy vay tiền với vợ chồng ông H ông đều sử dụng vào mục đích sinh hoạt của gia đình, chi trả tiền chữa bệnh cho con cái.

Bà Nguyễn Thị H cho rằng bà ký Giấy vay tiền ngày 14/6/2014 với số tiền 196.781.000 đồng là do ông H bảo bà ký để cho chồng bà là ông H1 tiếp tục lấy cám chăn nuôi. Việc ông H1 mua cám chăn nuôi của ông H là do ông H1 tự ý làm, bà không được cầm tiền từ việc chăn nuôi của ông H1 nên bà không có trách nhiệm trả số tiền 321.900.000 đồng mà ông H1 nợ vợ chồng ông H.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 158, 166, 274, 275, 280, 288 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đăng Văn H và bà Đồng Thị L.
2. Buộc ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu trách nhiệm hoàn trả cho ông H, bà L số tiền 321.900.000 đồng.
3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Đối với ông Lê Văn H1 là người cao tuổi nếu có đơn xin miễn thì được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo hợp đồng dân sự, do hết thời hiệu khởi kiện về tranh chấp về hợp đồng dân sự nên đương sự khởi kiện đòi tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện đang cư trú và sinh sống tại xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Giữa ông H, bà L với ông H1 có thực hiện giao dịch dân sự về mua bán cám chăn nuôi từ đầu năm 2014 với tổng số tiền là 196.781.000 đồng; sau đó do chưa có tiền thanh toán nên ông H1 và bà H đã ký Giấy vay tiền nhận số tiền nêu trên, lãi suất vay 1%/01 tháng, thời hạn vay 12 tháng, 06 tháng sẽ trả bớt tiền gốc và tiền lãi. Từ ngày 5/5/2014 đến ngày 03/3/2015 ông H1 tiếp tục lấy cám chăn nuôi của gia đình ông H với tổng số tiền 148.849.000đ, đã thanh toán được số tiền là 91.708.000đ; còn nợ lại số tiền 57.141.000đ.

Ngày 12/3/2018, tại UBND xã K thì ông H1 viết Cam kết thanh toán nợ, xác nhận còn nợ ông H: Số tiền đã vay **196.781.000đ**, tiền lãi vay của số tiền này tính từ thời điểm vay 14/6/2014 đến ngày 12/3/2018 là **78.000.000đ**; tiền mua cám còn nợ

57.141.000đ. Tổng hai khoản này là **331.922.000đ.**

Ngày 15/3/2018, ông H1 đã thanh toán được cho vợ chồng ông H số tiền 10.000.000đ. Số tiền còn nợ là **321.900.000đ.** (*Tổng số tiền ông H1 nợ là 321.922.000đ, nhưng ông H tự nguyện chỉ yêu cầu số tiền đã làm tròn số là 321.900.000đ*).

Như vậy, trên cơ sở các tài liệu chứng cứ các đương sự đã giao nộp và lời khai của các đương sự có căn cứ xác định số tiền ông H1 và bà H nợ vợ chồng ông H, bà L với tổng số tiền là 321.900.000 đồng.

Bà H cho rằng việc vay nợ số tiền nêu trên là do một mình ông H1 đứng ra vay nợ để nuôi lợn, không liên quan gì đến bà, bà không có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông H, bà L số tiền nêu trên. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2022, bà H khai mục đích ông H1 vay tiền và mua cám của ông H, bà L là để chăn nuôi phục vụ kinh tế chung cho gia đình. Bà cũng xác định chữ ký và chữ viết trong giấy vay nợ đề ngày 14/6/2014 là của bà, do bà tự nguyện ký, không bị ai ép buộc. Tại phiên tòa ông H1 xác định ông nuôi lợn từ năm 2002, số tiền thu nhập từ việc nuôi lợn đều sử dụng vào mục đích sinh hoạt gia đình (*làm nhà, lập vườn ao, lo chữa bệnh cho con...*). Do vậy, có căn cứ xác định số tiền là 321.900.000 đồng là nợ chung vợ chồng của ông H1 và bà H và ông H1, bà H đều có nghĩa vụ phải trả ông H, bà L số tiền này. Quan điểm của bà H cho rằng số tiền này là do ông H1 vay mượn, sử dụng vào mục đích cá nhân chỉ nhằm mục đích trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên không được chấp nhận.

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ áp dụng quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] *Về lãi vay:* Quá trình giải quyết, Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi đối với số tiền lãi vay còn lại nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Lê Văn H1 là người cao tuổi, tại phiên tòa có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn 1/2 án phí của ông H1 theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1/2 án phí dân sự sơ thẩm còn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Các Điều 158, 166, 274, 278, 280, 351, 357, 463, 464, 466; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

+ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về án phí. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. (Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với ông Lê Văn H1).

2. *Xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đăng Văn H và bà Đồng Thị L.

Buộc ông Lê Văn H1 và bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Đăng Văn H và bà Đồng Thị L số tiền là: 321.900.000 đồng (Ba trăm hai mươi một triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. *Về án phí*:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Lê Văn H1.
- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 8.047.500 đồng. án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả ông Đăng Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là 8.025.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2020/0002717 ngày 18/4/2022.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Đã báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

***Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa